

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2021

V/v: “Ly hôn giữa chị Ng và anh Th”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Khoa.

2. Bà Trần Lệ Ng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố RG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ng, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 395, ấp T K N, xã P T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Danh Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 38, tổ 5, ấp T T, xã P T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/01/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lâm Thị Ng trình bày: Chị Ng và anh Th tự nguyện quen nhau đi đến chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P T, thành phố RG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/3/2012.

Lý do chị Ng yêu cầu xin ly hôn: Chị Ng cho rằng do quá trình chung sống

tính tình không hợp, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày và về kinh tế gia đình; do anh Th không lo làm ăn mà hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, đá gà, bỏ mặt cho chị Ng tự lo liệu; vợ chồng thiếu quan tâm chăm sóc, thông cảm cho nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, cả hai đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Ng xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên Danh Tuấn B, sinh ngày 17/11/2011 và Danh Huỳnh Nhã Tr, sinh ngày 24/4/2014. Hiện các con chung đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình làm việc 02 người con chung đều thể hiện nguyện vọng muốn được sống với anh Th.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn anh Danh Th vắng mặt. Tại văn bản ghi ý kiến ngày 16/4/2021 anh Th có ý kiến:*

Về hôn nhân: Anh Th đồng ý ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Anh Th đồng ý nuôi con 02 người con chung tên Danh Tuấn B, sinh ngày 17/11/2011 và Danh Huỳnh Nhã Tr, sinh ngày 24/4/2014. Anh Th không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Ng yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Ng đồng ý giao 02 người con chung tên Danh Tuấn B và Danh Huỳnh Nhã Tr cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tòa án có triệu tập anh Th để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Th vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa họp lệ, nhưng anh Th lánh mặt không đến Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn anh Danh Th.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa chị Ng xác nhận, chị Ng và anh Th tự nguyện quen nhau, đi đến chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã P T, thành phố RG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/3/2012. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh Th được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng*, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị Ng, anh Th không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình nhưng anh Th cố tình lánh mặt không đến Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Ng, điều đó cho thấy anh Th cũng không mong muốn hàn gắn lại tình cảm với chị Ng. Đôi bên cũng đã ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, cả hai đều đã có cuộc sống riêng và không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh Th đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng được ly hôn với anh Th.

[4] *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Danh Tuấn B, sinh ngày 17/11/2011 và Danh Huỳnh Nhã Tr, sinh ngày 24/4/2014. Hiện các con chung đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng 02 người con chung đều thể hiện nguyện vọng muốn được sống với anh Th.

Xét thấy, quá trình trông nom, nuôi dưỡng các con chung, anh Th đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người cha đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của con, cũng như tôn trọng sự tự nguyện thỏa Th giữa chị Ng, anh Th và nguyện vọng của những người con chung. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử

thống nhất: Giao 02 người con chung tên Danh Tuấn B, sinh ngày 17/11/2011 và Danh Huỳnh Nhã Tr, sinh ngày 24/4/2014 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do anh Th không có yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Do suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Th vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Trường hợp anh Th có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ng phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lâm Thị Ng và anh Danh Th.
2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Danh Tuấn B, sinh ngày 17/11/2011 và Danh Huỳnh Nhã Tr, sinh ngày 24/4/2014 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.
Chị Ng được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Ng phải nộp 300.000 đồng. Chị Ng

đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000985, ngày 11/01/2021 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố RG, nên chị Ng được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Ng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- THA DS TP. RG;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa